TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2018
V/v*: "Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Liệu**

Ông Sầm Dắt Phắn

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Thành** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán:* **Ông Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HPT ngày 15/5/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H sinh năm: 1976**

Nơi cư trú: ấp 2, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Chị Đinh Thụy Hải Y sinh năm: 1978**

Nơi cư trú: ấp 2, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H có mặt, chị Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2017, bản tường trình, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày:**

Anh Phạm Văn H và chị Đinh Thụy Hải Y tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2000. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Y và anh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do khoảng năm 2008 kinh tế gia đình sa sút làm ăn thất bại nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, do anh H và chị Y bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Khoảng tháng 8/2008 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh H và chị Y có 03 con chung là Phạm Thị Kiều M, sinh ngày: 03/3/2004; Phạm Duy H, sinh ngày: 25/9/2007 và Phạm Yến N, sinh ngày: 04/7/2002. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao 03 con chung cho chị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Y mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Đinh Thụy Hải Y đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị Y không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 15/5/2018 cho bị đơn chị Đinh Thụy Hải Y nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Y vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thụy Hải Y và anh Phạm Văn H khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2000 (BL 03) nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân anh H xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Giữa chị Y và anh H không còn sống chung, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 36, 38).

Qúa trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Y để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng chị Y đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy chị Y không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu xin ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

Về con chung:

Chị Y và anh H có 03 con chung là Phạm Thị Kiều M, sinh ngày: 03/3/2004; Phạm Duy H, sinh ngày: 25/9/2007 và Phạm Yến N, sinh ngày: 04/7/2002.

Xét việc anh H đồng ý để chị Y được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 03 con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y mỗi tháng 3.000.000đ là

hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con được sống với chị Y trong trường hợp cha mẹ ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

***Về tài sản*:** Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

Xử cho anh Phạm Văn H và chị Đinh Thụy Hải Y ly hôn

Về con chung: Giao cho chị Đinh Thụy Hải Y được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 03 con chung là Phạm Thị Kiều M, sinh ngày: 03/3/2004; Phạm Duy H, sinh ngày: 25/9/2007 và Phạm Yến N, sinh ngày: 04/7/2002.

Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 004636 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Anh H còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND HĐQ;*
- *THADS HĐQ;*
- *UBND xã P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường